

Số: /SGDDĐT-GDTrH-GDTrX

Đắk Lắk, ngày tháng 02 năm 2025

V/v hướng dẫn cấu trúc đề thi
chọn học sinh giỏi THPT và GDTrX
cấp tỉnh từ năm học 2024-2025

Kính gửi:

- Các trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;
- Trung tâm GDTrX tỉnh, Trung tâm GDNN-GDTrX các huyện, thị xã Buôn Hồ và thành phố Buôn Ma Thuột.

Thực hiện Công văn số 1422/SGDDĐT-GDTrH-GDTrX ngày 04/9/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024-2025; căn cứ Quyết định số 980/QĐ-SGDĐT ngày 21/10/2024 của Sở GDĐT về việc ban hành Quy chế thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh; để thực hiện tốt Kỳ thi chọn học sinh giỏi (HSG) trung học phổ thông và giáo dục thường xuyên (THPT và GDTrX) cấp tỉnh từ năm học 2024-2025, Sở GDĐT hướng dẫn cấu trúc đề thi như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Hình thức thi

- Đối với các môn Tiếng Anh, Tiếng Pháp: thi viết và thi nghe theo hình thức kết hợp giữa tự luận và trắc nghiệm. Nội dung thi gồm nghe hiểu, đọc hiểu, viết và kiến thức ngôn ngữ.

- Môn Tin học thi theo hình thức lập trình trên máy vi tính (môi trường lập trình ngôn ngữ C++ hoặc Python).

- Đối với các môn còn lại: thi theo hình thức tự luận viết trên giấy.

2. Thời gian làm bài: 180 phút.

3. Phạm vi chương trình

- Nội dung thi nằm trong phạm vi Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp THPT.

- Các môn Vật lí, Hóa học, Sinh học có thêm câu hỏi lý thuyết của phần thực hành thí nghiệm (do không tổ chức thi thực hành).

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ CÁC MÔN THI

Các môn thi Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học, Ngữ văn, Lịch sử,

Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh và Tiếng Pháp được quy định cụ thể theo từng môn (*các Phụ lục đính kèm*).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng chuyên môn thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Phòng Giáo dục Trung học-Giáo dục Thường xuyên

Căn cứ nội dung cấu trúc đề thi Sở GDĐT đã ban hành, Phòng Giáo dục Trung học-Giáo dục Thường xuyên theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị triển khai thực hiện.

b) Phòng Quản lý chất lượng-Công nghệ thông tin

Chủ trì, phối hợp với phòng Giáo dục Trung học-Giáo dục Thường xuyên tham mưu công tác tổ chức Kỳ thi chọn HSG THPT và GDTX cấp tỉnh đảm bảo theo quy định.

2. Các trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học, Trung tâm Giáo dục Thường xuyên tỉnh, Trung tâm GDNN-GDTX các huyện, thị xã, thành phố

Căn cứ nội dung cấu trúc đề thi Sở GDĐT đã ban hành, triển khai cho các tổ chuyên môn tổ chức nghiên cứu, xây dựng đề thi HSG cấp trường/trung tâm, chủ động bồi dưỡng cho học sinh/học viên các đội tuyển để tham gia Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh đạt kết quả cao nhất.

Nhận được Công văn, Sở GDĐT yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị triển khai thực hiện. Nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị kịp thời báo cáo về Sở GDĐT (qua phòng Giáo dục Trung học-Giáo dục Thường xuyên) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở GDĐT (*để báo cáo*);
- Các phòng CMNV Sở (*để phối hợp*);
- Lưu: VT, P. GDTrH-GDTX.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đỗ Tường Hiệp

Phụ lục 1
CẤU TRÚC ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI THPT, GDTX CẤP TỈNH
MÔN: TOÁN

(Kèm theo Công văn số /SGDDĐT-GDTrH-GDTX, ngày /02/2025
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

1. Hình thức thi: Tự luận
2. Thời gian làm bài: 180 phút
3. Tổng điểm toàn bài: 20 điểm
4. Phạm vi kiến thức: Nội dung thi nằm trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 do Bộ GDĐT ban hành.
5. Cấu trúc đề thi: Gồm 05 câu, mỗi câu 04 điểm, tổng 20 điểm, điểm từng phần của mỗi câu là 0,25 điểm.

Câu 1: (4 điểm) Kiểm tra kiến thức về

- a) Các bài toán liên quan đến ứng dụng của đạo hàm và đồ thị của hàm số: chiều biến thiên của hàm số; cực trị; giá trị nhỏ nhất và lớn nhất của hàm số; tiệm cận của đồ thị hàm số.
- b) Bài toán ứng dụng thực tế, phương trình tiếp tuyến, tìm những điểm trên đồ thị có tính chất cho trước...

Câu 2: (4 điểm) Kiểm tra kiến thức về phương trình, hệ phương trình, bất phương trình (đại số, lượng giác, mũ, lôgarit, lũy thừa...).

Câu 3: (4 điểm) Kiểm tra kiến thức về

- a) Bài toán xác suất.
- b) Bài toán hình học không gian: thể tích khối đa diện, góc, khoảng cách...

Câu 4: (4 điểm) Kiểm tra kiến thức về

- a) Hình học phẳng thuần túy.
- b) Hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp.

Câu 5: (4 điểm) Kiểm tra kiến thức về

- a) Dãy số, cấp số cộng, cấp số nhân và giới hạn của dãy số.
- b) Bài toán thực tế tổng hợp.

— Hết —



Phụ lục 2
CẤU TRÚC ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI THPT, GDTX CẤP TỈNH
MÔN: VẬT LÝ

*(Kèm theo Công văn số /SGDDĐT-GDTrH-GDTX ngày 02/2025
của Sở Giáo dục và Đào tạo)*

- * **Hình thức:** Tự luận.
- * **Thời gian:** 180 phút.
- * **Cấu trúc:** 6 câu, mỗi câu có thể có một hoặc nhiều ý nhỏ.
- * **Nội dung:** Nằm trong chương trình giáo dục phổ thông 2018, nội dung dạy học môn chuyên cấp THPT của môn Vật lý.
- * **Phạm vi nội dung, phân bố điểm số các câu:**

Câu 1. (4 điểm)

- + Động học, Động lực học (lớp 10).
- + Các định luật bảo toàn (lớp 10).
- + Dao động (lớp 11).

Câu 2. (3 điểm)

- + Sóng (lớp 11).
- + Vật lý hạt nhân (lớp 12).

Câu 3. (3 điểm)

- + Điện trường (lớp 11),
- + Từ trường (lớp 12).

Câu 4. (4 điểm)

Dòng điện không đổi. Mạch điện (lớp 11).

Câu 5. (4 điểm)

- + Vật lý nhiệt (lớp 12),
- + Khí lý tưởng (lớp 12).

Câu 6. (2 điểm)

Câu hỏi lí thuyết của phần thực hành thí nghiệm (không tổ chức thực hành).

- * **Năng lực được đánh giá và phân bố mức độ nhận thức:**

Biết: 10% - 20%

Hiểu: 20% đến 40% tổng số điểm.

Vận dụng: 40% đến 70% tổng số điểm.

Bảng mô tả tỉ lệ các mức độ nhận thức được đánh giá theo các năng lực đặc thù.

Năng lực đặc thù	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng % theo các năng lực đặc thù
Nhận thức Vật lí	5% - 10%	5% - 15%	5% - 10%	15% - 35%
Tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ Vật lí	5% - 10%	15% - 25%	5% - 10%	25% - 45%
Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học			30% - 50%	30% - 50%
Tổng % theo các mức độ nhận thức	10% - 20%	20% - 40%	40% - 70%	

Phụ lục 3
CẤU TRÚC ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI THPT, GDTX CẤP TỈNH
MÔN: HOÁ HỌC

(Kèm theo Công văn số /SGDDT-GDTrH-GDTX ngày 02/2025
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

1. Năng lực được đánh giá và phân bố mức độ nhận thức

Bảng mô tả tỉ lệ các mức độ nhận thức được đánh giá theo các năng lực đặc thù

Mức độ nhận thức	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng % theo các năng lực đặc thù
Năng lực đặc thù				
Nhận thức hóa học	5 – 10%	10 – 20%	22,5 – 25%	37,5 – 55%
Tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ hóa học	2,5 – 5%	2,5 – 5%	2,5 – 5%	7,5 – 15%
Vận dụng kiến thức kĩ năng đã học			35 – 50%	35 – 50%
Tổng % theo các mức độ nhận thức	7,5 – 15%	12,5 – 25%	60 - 80%	100%

2. Tỷ lệ nội dung theo khối lớp

– Đề thi gồm có 5 câu, mỗi câu có từ 1 – 3 ý nhỏ.

– Tổng số điểm: 20 điểm.

– Cụ thể như sau:

Câu 1 (5,0 điểm, chiếm 25%): Cơ sở hóa học

Câu 2 (4,0 điểm, chiếm 20%): Hóa vô cơ

Câu 3 (5,0 điểm, chiếm 25%): Hóa hữu cơ

Câu 4 (3,0 điểm, chiếm 15%): Kiến thức tổng hợp vô cơ

Câu 5 (3,0 điểm, chiếm 15%): Kiến thức tổng hợp hữu cơ

- Tỷ lệ lớp 10 : 11 : 12 = 20% : 25% : 55%

- Tương ứng với số ý trong câu:

+ Lớp 10: 04 ý

+ Lớp 11: 05 ý

+ Lớp 12: 11 ý

3. Mức độ nhận thức theo khối lớp

Mức độ nhận thức	Biết		Hiểu		Vận dụng	
	Điểm	Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ
Lớp						
10	0,5	2,5%	2,0	10%	1,5	7,5%
11	0,5	2,5%	1,5	7,5%	2,5	12,5%
12	0,5	2,5%	2,5	15%	8	40%
Tổng	1,5	7,5%	6	32,5%	12	60%

4. Nội dung kiến thức

– Phạm vi kiến thức: Nội dung kiến thức của đề thi nằm trong chương trình môn Hóa Học cấp THPT ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 và chương trình môn Hóa Học GDTX cấp THPT ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

– Giới hạn nội dung theo khung chương trình:

TT	Chủ đề	Nội dung	Tỉ lệ cấp độ tư duy	Điểm
1	Liên kết hóa học kết hợp chủ đề Liên kết hoá học (chuyên đề học tập hóa học 10)	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được cấu tạo tinh thể NaCl. Giải thích được vì sao các hợp chất ion thường ở trạng thái rắn trong điều kiện thường (dạng tinh thể ion). – Viết được công thức Lewis, sử dụng được mô hình VSEPR để dự đoán hình học cho một số phân tử đơn giản. – Trình bày được khái niệm về sự lai hoá AO (sp, sp^2, sp^3), vận dụng giải thích liên kết trong một số phân tử (CO_2; BF_3; CH_4;...). – Vận dụng được liên kết hydrogen để giải thích được sự xuất hiện liên kết hydrogen (với nguyên tố có độ âm điện lớn: N, O, F). 	Thông hiểu (50%) Vận dụng (50%)	1,0
2	Năng lượng hóa học kết hợp chủ đề Entropy và biến thiên năng lượng tự do Gibbs (chuyên đề học tập hóa học 10)	<ul style="list-style-type: none"> – Tính được $\Delta_r H_{298}^\circ$ của một phản ứng dựa vào bảng số liệu năng lượng liên kết, nhiệt tạo thành cho sẵn – Nêu được ý nghĩa của dấu và trị số của biến thiên năng lượng tự do Gibbs – Tính được $\Delta_r G^\circ$ theo công thức $\Delta_r G^\circ = \Delta_r H^\circ - T \cdot \Delta_r S^\circ$ từ bảng cho sẵn các giá trị $\Delta_r H^\circ$ và S° của các chất. 	Nhận biết (50%) Thông hiểu (50%)	1,0
3	Phản ứng oxi hóa – khử (Hóa học 10)	<ul style="list-style-type: none"> – Mô tả được một số phản ứng oxi hoá – khử quan trọng gắn liền với cuộc sống. – Cân bằng được phản ứng oxi hoá – khử bằng phương pháp thăng bằng electron. 	Thông hiểu (50%) Vận dụng (50%)	1,0
4	Cân bằng hóa học (Hóa học 11)	<ul style="list-style-type: none"> – Viết được biểu thức hằng số cân bằng (K_c) của một phản ứng thuận nghịch. – Vận dụng được nguyên lí chuyển dịch cân bằng Le Chatelier để giải thích ảnh hưởng của nhiệt độ, nồng độ, áp suất đến cân bằng hoá học. – Nêu được khái niệm và ý nghĩa của pH trong thực tiễn. – Viết được biểu thức tính pH và biết cách sử dụng các chất chỉ thị để xác định pH bằng các chất chỉ thị phổ biến. 	Nhận biết (50%) Thông hiểu (50%)	1,0

		<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được thí nghiệm chuẩn độ acid - base. - Trình bày được ý nghĩa thực tiễn cân bằng trong dung dịch nước của ion Al^{3+}, Fe^{3+} và CO_3^{2-}. 		
5	Nguồn điện hóa học và điện phân (Hóa học 12)	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bảng giá trị thế điện cực chuẩn để: So sánh được tính khử, tính oxi hoá giữa các cặp oxi hoá - khử; Dự đoán được chiều hướng xảy ra phản ứng giữa hai cặp oxi hoá - khử; Tính được sức điện động của pin điện hoá tạo bởi hai cặp oxi hoá - khử. - Nêu được cấu tạo, nguyên tắc hoạt động của pin Galvani, ưu nhược điểm chính một số loại pin khác như acquy (accu), pin nhiên liệu; pin mặt trời... - Trình bày được nguyên tắc (thứ tự) điện phân dung dịch, điện phân nóng chảy. - Nêu được ứng dụng của một số hiện tượng điện phân trong thực tiễn (mạ điện, tinh chế kim loại). - Trình bày được giai đoạn điện phân aluminium oxide trong sản xuất nhôm (aluminium), tinh luyện đồng (copper) bằng phương pháp điện phân, mạ điện. 	<p>Thông hiểu (50%) Vận dụng (50%)</p>	1,0
6	Halogen và một số hợp chất (Hóa học 10)	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống hóa được kiến thức của chủ đề nguyên tố nhóm VIIA. - Vận dụng các kiến thức đã học để các bài tập liên quan đến chủ đề nguyên tố nhóm VIIA. 	<p>Thông hiểu (50%) Vận dụng (50%)</p>	1,0
7	Nitrogen và Sulfur (Hóa học 11)	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống hóa được kiến thức của chủ đề Nitrogen và sulfur. - Vận dụng các kiến thức đã học để làm các bài tập liên quan đến chủ Nitrogen và sulfur. 	<p>Thông hiểu (50%) Vận dụng (50%)</p>	1,0
8	Đại cương kim loại (Hóa học 12)	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được đặc điểm cấu tạo của nguyên tử kim loại và tinh thể kim loại. - Giải thích được một số tính chất vật lí chung của kim loại. - Sử dụng bảng giá trị thế điện cực chuẩn của một số cặp oxi hoá - khử phổ biến để giải thích được các phản ứng thể hiện tính chất hóa học của kim loại. - Trình bày và giải thích được phương pháp tách kim loại 	<p>Nhận biết (50%) Thông hiểu (50%)</p>	1,0

9	Chuyên đề học tập: Phân bón hóa học (Hóa học 11)	– Hệ thống hóa được kiến thức của chủ đề phân bón hóa học. – Vận dụng các kiến thức đã học để giải các bài tập liên quan đến chủ đề phân bón hóa học.	Vận dụng	1,0
10	Hóa học hữu cơ 11 (đại cương về hóa hữu cơ; hydrocarbon; dẫn xuất halogen – alcohol – phenol; Aldehyde – Ketone – Carboxylic acid)	– Trình bày được đặc điểm về liên kết hoá học trong các hợp chất hữu cơ đã học. – Trình bày được các tính chất hoá học của các dãy đồng đẳng hydrocarbon; alcohol; phenol; aldehyde; ketone; carboxylic acid. – Trình bày được ứng dụng và phương pháp điều chế một số hợp chất hữu cơ thường gặp.	Thông hiểu (50%) Vận dụng (50%)	2,0
11	Hóa học hữu cơ 12 (Ester – lipid; Carbohydrate; Hợp chất chứa Nitrogen; Polymer)	– Hệ thống hóa được kiến thức cốt lõi trong chương trình hóa học hữu cơ 12) – Vận dụng các kiến thức đã học để giải các bài tập liên quan đến các chủ đề đã học.	Thông hiểu (50%) Vận dụng (50%)	3,0
12	Kiến thức tổng hợp vô cơ	– Vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến các hợp chất vô cơ (thí nghiệm, các vấn đề liên quan đến quy trình sản xuất trong công nghiệp và vấn đề về môi trường,...).	Vận dụng (100%)	3,0
13	Kiến thức tổng hợp hữu cơ	– Vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến các hợp chất hữu cơ (xác định được công thức cấu tạo các hợp chất hữu cơ dựa trên dữ kiện thực nghiệm, quá trình sản xuất các hợp chất hữu cơ có nhiều ứng dụng trong thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm,...).	Vận dụng (100%)	3,0

Lưu ý:

- Mức độ nhận thức: Biết (1,5 – 3,0 điểm); Hiểu (2,5 – 5,0 điểm); Vận dụng (12,0 – 14,0 điểm)
- Phần tính toán chiếm 25 – 35%; phần lý thuyết chiếm 65 – 75%.
- Câu hỏi/Bài tập dựa trên yêu cầu cần đạt (YCCĐ) của Chương trình GDPT 2018. Nếu vượt quá YCCĐ, cần cung cấp kiến thức liên quan. Tránh các câu hỏi xa rời bản chất hóa học và không có tính thực tế.
- Bối cảnh và ngữ liệu sử dụng trong câu hỏi phải có tính khoa học hoặc thực tiễn, tránh các giả định không có giá trị thực tế. Cần ưu tiên xây dựng câu hỏi dựa trên dữ liệu từ thực nghiệm hoặc các dẫn chứng khoa học cụ thể.
- Không sử dụng những câu hỏi không đảm bảo tính khoa học; không phù hợp thực tiễn, thực nghiệm; tránh quy nạp, suy diễn mò rộng vấn đề một cách chủ quan (ví dụ về các bài tập liên quan đến hỗn hợp kim loại, hỗn hợp acid, hỗn hợp base; bài tập về acid HNO₃; bài tập đồ thị CO₂ phản ứng với dung dịch kiềm, hydroxide lưỡng tính; các bài tập toán học hóa;...).

Phụ lục 4
CÂU TRÚC ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI THPT, GDTX CẤP TỈNH
MÔN: SINH HỌC

(Kèm theo Công văn số /SGDDĐT-GDTrH-GDTX ngày 02/2025
 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

1. Năng lực được đánh giá và phân bố mức độ nhận thức

Bảng mô tả tỉ lệ các mức độ nhận thức được đánh giá theo các năng lực đặc thù

Mức độ nhận thức \ Năng lực đặc thù	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng % theo các năng lực đặc thù
Nhận thức sinh học	5%	15%	10%	30%
Tìm hiểu thế giới sống	5%	15%	10%	30%
Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học			40%	40%
Tổng % theo các mức độ nhận thức	10%	30%	60%	

2. Tỷ lệ nội dung theo khối lớp

- Tỷ lệ lớp 10: 11:12 = 20% : 20% : 60%

- Tương ứng với số câu hỏi:

+ Lớp 10: 02 câu

+ Lớp 11: 02 câu

+ Lớp 12: 06 câu

3. Mức độ nhận thức theo khối lớp

Mức độ nhận thức \ Lớp	Biết		Hiểu		Vận dụng			
	Điểm	Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Vận dụng		Vận dụng cao	
	Điểm	Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ
10	0,5	2,5%	1,5	7,5%	1	5%	1	5%
11	0,5	2,5%	1,5	7,5%	1	5%	1	5%
12	1,0	5%	3,0	15%	4	20%	4	20%
Tổng	2	10%	6	30%	6	30%	6	30%

**4.Nội dung kiến thức
SINH HỌC 10**

Chủ đề	Nội dung	
SINH HỌC TẾ BÀO (2,5 điểm)	Khái quát về tế bào	
	Thành phần hóa học của tế bào	- Các nguyên tố hoá học và nước trong tế bào. - Các phân tử sinh học trong tế bào
	Cấu trúc tế bào	- Tế bào nhân sơ - Tế bào nhân thực
	Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở tế bào	- Khái niệm trao đổi chất ở tế bào - Sự vận chuyển các chất qua màng sinh chất + Vận chuyển thụ động + Vận chuyển chủ động + Nhập, xuất bào - Các loại năng lượng - Khái niệm chuyển hóa năng lượng trong tế bào. - Enzym - Tổng hợp các chất và tích lũy năng lượng trong tế bào. - Phân giải các chất và giải phóng năng lượng trong tế bào.
	Thông tin ở tế bào	- Khái niệm - Quá trình truyền thông tin giữa các tế bào
	Chu kì tế bào và phân bào	- Chu kì tế bào và nguyên phân. - Quá trình giảm phân - Bài tập vận dụng
	Công nghệ tế bào	
SINH HỌC VI SINH VẬT VÀ VIRUS (1,5 điểm)	Vi sinh vật	- Khái niệm và các nhóm vi sinh vật - Các phương pháp nghiên cứu vi sinh vật - Quá trình tổng hợp và phân giải ở vi sinh vật. - Một số ứng dụng vi sinh vật trong thực tiễn. - Bài tập vận dụng
	Virus và các ứng dụng	- Quá trình nhân lên của virus trong tế bào chủ - Một số thành tựu ứng dụng virus trong sản xuất - Virus gây bệnh

SINH HỌC 11

Chủ đề	Nội dung	
CHUYỂN HÓA VẬT CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG (1,5 điểm)	Sinh lý thực vật	<ul style="list-style-type: none"> - Trao đổi nước và khoáng ở thực vật (sự hấp thụ nước và khoáng ở rễ, vận chuyển các chất trong cây, thoát hơi nước ở lá, vai trò các nguyên tố khoáng, Dinh dưỡng nitơ; các nhân tố ảnh hưởng và ứng dụng). - Quang hợp ở thực vật. - Hô hấp ở thực vật
	Sinh lý động vật	<ul style="list-style-type: none"> - Dinh dưỡng và tiêu hóa ở động vật và ứng dụng. - Hô hấp và trao đổi khí ở động vật và ứng dụng. - Tuần hoàn ở động vật; điều hòa hoạt động tim mạch và ứng dụng; bài tập vận dụng. - Miễn dịch ở động vật và ứng dụng. - Bài tiết, cân bằng nội môi và ứng dụng.
CẢM ỨNG (0,5 điểm)	Sinh lý thực vật	Hướng động, Ứng động và ứng dụng.
	Sinh lý động vật	<ul style="list-style-type: none"> - Các hình thức cảm ứng ở động vật - Tế bào thần kinh, điện thế nghỉ và điện thế hoạt động. - Synapse và truyền tin qua synapse, phản xạ. - Các loại thụ thể cảm giác xúc giác, vị giác và khứu giác và vai trò của chúng trong cung phản xạ - Các bệnh lí có liên quan đến thần kinh. - Tập tính ở động vật và ứng dụng.
SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN (1,0 điểm)	Sinh lý thực vật	<ul style="list-style-type: none"> - Mô phân sinh, sinh trưởng sơ cấp và sinh trưởng thứ cấp, yếu tố ảnh hưởng tới sinh trưởng và phát triển ở thực vật - Hormone thực vật, quá trình phát triển của thực vật có hoa, các nhân tố chi phối quá trình phát triển ở thực vật có hoa, ứng dụng sinh trưởng và phát triển của thực vật trong thực tiễn.
	Sinh lý động vật	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm, các giai đoạn chính trong sinh trưởng và phát triển ở động vật, phát triển qua biến thái và không qua biến thái ở động vật. - Ảnh hưởng của các yếu tố trong và ngoài tới sinh trưởng và phát triển ở động vật, vận dụng vào thực tiễn. - Vai trò 1 số hormone đối với đời sống động vật, ứng dụng trong điều khiển sinh trưởng, phát triển ở động vật.

SINH SẢN (1,0 điểm)	Sinh lý thực vật	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh sản vô tính và ứng dụng trong thực tiễn. - Sinh sản ở thực vật có hoa và ứng dụng trong thực tiễn. - Bài tập vận dụng.
	Sinh lý động vật	<ul style="list-style-type: none"> - Các hình thức sinh sản vô tính. - Sinh sản hữu tính: Hình thành tinh trùng và trứng, thụ tinh, phát triển phôi thai, sự đẻ. Điều hòa, điều khiển sinh sản ở động vật và người.

SINH HỌC 12

Chủ đề	Nội dung	
DI TRUYỀN HỌC (9 điểm)	1. Di truyền phân tử (3 điểm)	1.1. Gene và cơ chế truyền thông tin di truyền: <ul style="list-style-type: none"> - Chức năng của DNA - Cấu trúc và chức năng của gene - Tái bản DNA - RNA và phiên mã - Mã di truyền và dịch mã - Mối quan hệ DNA – RNA – Protein - Bài tập vận dụng các cơ chế di truyền cấp phân tử.
		1.2. Điều hoà biểu hiện gene: <ul style="list-style-type: none"> - Cơ chế điều hoà - Ứng dụng
		1.3. Hệ gene: <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm - Giải mã hệ gene người và ứng dụng.
		1.4. Đột biến gene <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm, các dạng đột biến gen. - Nguyên nhân, cơ chế phát sinh . - Vai trò. - Bài tập vận dụng.
	2. Di truyền nhiễm sắc thể (4,5 điểm)	2.1. Nhiễm sắc thể là vật chất di truyền <ul style="list-style-type: none"> - Hình thái và cấu trúc siêu hiển vi của nhiễm sắc thể. - Gene phân bố trên các nhiễm sắc thể. - Cơ chế di truyền nhiễm sắc thể.
		2.2. Thí nghiệm của Mendel <ul style="list-style-type: none"> - Thí nghiệm của Mendel - Mở rộng học thuyết Mendel - Bài tập vận dụng.
2.3. Thí nghiệm của Morgan <ul style="list-style-type: none"> - Thí nghiệm của Morgan 		

Ch

		<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập vận dụng: Liên kết gen Hoán vị gene; Di truyền giới tính và liên kết với giới tính. - Bài tập tổng hợp các quy luật di truyền.
		<p>2.4. Đột biến nhiễm sắc thể</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể - Đột biến số lượng nhiễm sắc thể - Vai trò - Bài tập vận dụng cơ chế di truyền cấp tế bào.
		<p>2.5. Di truyền gene ngoài nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thí nghiệm của Correns. - Đặc điểm di truyền của gene ngoài nhân và ứng dụng.
		<p>2.6. Mối quan hệ kiểu gene – môi trường – kiểu hình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự tương tác kiểu gene và môi trường - Mức phản ứng.
		<p>2.7. Thành tựu chọn, tạo giống bằng các phương pháp lai hữu tính.</p>
	<p>Di truyền quần thể (1 điểm)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các đặc trưng di truyền của quần thể ngẫu phối, quần thể tự thụ phấn và giao phối gần. - Định luật Hardy – Weinberg - Ứng dụng và bài tập vận dụng.
	<p>Di truyền học người (0,5 điểm)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Di truyền y học - Liệu pháp gene
<p>TIẾN HÓA (2 điểm)</p>	<p>Các bằng chứng tiến hoá</p>	
	<p>Quan niệm của Darwin về chọn lọc tự nhiên và hình thành loài</p>	
	<p>Thuyết tiến hoá tổng hợp hiện đại</p>	
<p>SINH THÁI HỌC VÀ MÔI TRƯỜNG (1 điểm)</p>	<p>Môi trường và các nhân tố sinh thái</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Môi trường sống của sinh vật - Các nhân tố sinh thái - Nhịp sinh học

Phụ lục 05
CẤU TRÚC ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI THPT, GDTX CẤP TỈNH
MÔN: TIN HỌC

*(Kèm theo Công văn số /SGDDT-GDTrH-GDTX, ngày /02/2025
của Sở Giáo dục và Đào tạo)*

1. Thời gian làm bài: 180 phút.
2. Hình thức thi: Thi lập trình giải các bài toán trên máy vi tính. Học sinh có thể sử dụng ngôn ngữ lập trình C++ hoặc Python.
3. Nội dung kiến thức: Các nội dung về lập trình nằm trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành:
 - Các bài toán vận dụng các kiến thức lập trình cơ bản, sử dụng các tính chất toán học đã được học.
 - Thuật toán tìm kiếm, sắp xếp và vận dụng vào các bài toán cụ thể.
 - Các bài toán sử dụng kỹ thuật duyệt, đệ quy, quay lui, chia để trị, quy hoạch động.
 - Các bài toán sử dụng cấu trúc dữ liệu mảng, xâu kí tự, hàng đợi, ngăn xếp, cây nhị phân, cây tìm kiếm nhị phân.
 - Các bài toán biểu diễn đồ thị, duyệt đồ thị, ứng dụng đồ thị.
4. Cấu trúc đề thi: Đề thi gồm 05 bài toán với nội dung kiến thức khác nhau, tổng điểm là 20 điểm (mỗi bài 04 điểm). Trong mỗi bài toán có thể chia nhiều cấp độ nhận thức khác nhau, kèm theo số điểm tương ứng với mỗi mức độ làm bài của học sinh.
5. Hình thức chấm: Các bài thi được chấm bằng phần mềm chấm thi tự động Themis dựa vào các bộ Test đã được chuẩn bị trước, nếu đề không nói gì thêm thì thời gian chạy mỗi bộ test mặc định là không quá 01 giây, bộ nhớ mặc định không quá 1024Mb. Nếu test cho kết quả đa trị thì người ra đề cần phải cung cấp chương trình chấm để kiểm tra lại kết quả và phải đảm bảo tính đúng đắn của chương trình.

— Hết —



Phụ lục 6

CẤU TRÚC ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI THPT, GDTX CẤP TỈNH MÔN: NGỮ VĂN

(Kèm theo Công văn số: /SGDDĐT-GDTrH-GDTX ngày /02/2025 của Sở GDĐT)

A. CẤU TRÚC

Phần I. Đọc hiểu (4,0 điểm)

Chọn một trong ba loại văn bản: Văn bản văn học, văn bản nghị luận, văn bản thông tin.

(Số lượng câu hỏi 05 câu gồm ba mức độ: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng)

Phần II. Viết (16,0 điểm)

Câu 1. (6,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận xã hội.

Câu 2. (10,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận văn học.

Chọn một trong ba dạng:

- Nghị luận về tác phẩm thơ
- Nghị luận về tác phẩm truyện
- Nghị luận về một vấn đề lý luận văn học.

B. PHẠM VI CHƯƠNG TRÌNH THI

- Nội dung đề thi trong Chương trình Ngữ văn THPT theo Chương trình GDPT 2018. Đề thi đánh giá năng lực học sinh thông qua đọc hiểu văn bản và viết bài văn nghị luận xã hội và bài nghị luận văn học.

- Kiến thức, kĩ năng tiếng Việt có thể đánh giá ở một hoặc một số câu của phần Đọc hiểu, chủ yếu được lồng trong bài viết của học sinh.

- Phần Đọc - hiểu: Chọn một trong các loại văn bản văn học, văn bản nghị luận, văn bản thông tin.

- Phần viết: Viết bài văn nghị luận xã hội và bài văn nghị luận văn học.

- Ngữ liệu đưa vào đề thi ở phần Đọc hiểu và Viết bài nghị luận phải đảm bảo các yêu cầu: Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa (của cả 03 bộ sách); có xuất xứ đầy đủ, chính xác, thông tin rõ ràng, nội dung tư tưởng lành mạnh, có giá trị nghệ thuật, thẩm mỹ tương đương với các văn bản cùng loại đã được học trong chương trình Ngữ văn THPT (tránh sử dụng những văn bản có vấn đề nhạy cảm hoặc còn có nhiều tranh cãi); dung lượng của văn bản (đoạn trích) khoảng 1000 chữ.

- Vấn đề nghị luận xã hội: Có thể được gợi ra từ ngữ liệu Đọc hiểu, hoặc được dẫn ra từ nguồn tài liệu khác. Vấn đề nghị luận phải có tính tư tưởng, phù hợp với thực tiễn và trình độ của học sinh.

C. PHÂN BỐ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC

TT	Thành phần năng lực	Chủ đề, mạch nội dung	Số câu	Mức độ nhận thức			Tổng
				Biết	Hiểu	Vận dụng	
I	Năng lực Đọc (chọn một trong ba loại văn bản)	- Văn bản văn học - Văn bản nghị luận - Văn bản thông tin	5	2 câu (5%)	2 câu (10%)	1 câu (5%)	20%
II	Năng lực Viết	Bài văn nghị luận xã hội	1	5%	5%	20%	30%
		Bài văn nghị luận văn học	1	5%	5%	40%	50%
Tổng			7	15%	20%	65%	
					35%	65%	100%

Phụ lục 7
CẤU TRÚC ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI THPT, GDTX CẤP TỈNH
MÔN: LỊCH SỬ

(Kèm theo Công văn số: /SGDDĐT-GDTrH-GDTX ngày /02/2025
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

1. Hình thức thi: Tự luận

2. Thời gian làm bài: 180 phút

3. Năng lực được đánh giá và phân bố mức độ nhận thức

Bảng mô tả tỉ lệ các mức độ nhận thức được đánh giá theo các năng lực đặc thù

Mức độ NT Năng lực ĐT	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng % theo năng lực đặc thù
Tìm hiểu Lịch sử	10%	5%	10%	25%
Nhận thức và tư duy Lịch sử	10%	15%	10%	35%
Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học			40%	40%
Tổng % theo các mức độ nhận thức	20%	20%	60%	100%

4. Phạm vi nội dung, mức độ nhận thức, phân bố điểm

a) Phạm vi nội dung

- Lớp 10: Một số nền văn minh trên đất nước Việt Nam (trước năm 1858); Cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Nhà nước và pháp luật Việt Nam trong lịch sử.

- Lớp 11: Chiến tranh bảo vệ tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam (trước cách mạng tháng Tám năm 1945); Một số cuộc cải cách lớn trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1945); Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. Danh nhân trong lịch sử Việt Nam.

- Lớp 12: Thế giới trong và sau Chiến tranh lạnh; ASEAN những chặng đường lịch sử; Cách mạng tháng Tám năm 1945, chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam (từ tháng Tám năm 1945 đến nay); Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ 1986 đến nay; Lịch sử đối ngoại của Việt Nam.

Thư

thời cận – hiện đại; Hồ Chí Minh trong lịch sử Việt Nam. Lịch sử tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.

b) Mức độ nhận thức: Nhận biết 20%- Thông hiểu: 20%; Vận dụng: 60%.

c) Phân bố điểm: 20,0 điểm (gồm 07 câu: 02 câu Lịch sử thế giới, 05 câu lịch sử Việt Nam). Lớp 10: 2,0 điểm; lớp 11: 4,0 điểm; lớp 12: 14,0 điểm.



Phụ lục 8
CẤU TRÚC ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI THPT, GDTX CẤP TỈNH
MÔN: ĐỊA LÍ

(Kèm theo Công văn số: /SGDDT-GDTxH-GDTX ngày /02/2025
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

1. Hình thức thi: Tự luận

2. Thời gian làm bài: 180 phút

3. Năng lực được đánh giá và phân bố mức độ nhận thức

Bảng mô tả tỉ lệ các mức độ nhận thức được đánh giá theo các năng lực đặc thù

TT	Thành phần năng lực	Nội dung	Mức độ nhận thức			
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
	Tìm hiểu khoa học Địa lí					
1		Địa lí tự nhiên và dân cư đại cương	10%	5%		15%
2		Địa lí khu vực và quốc gia (nhận xét, phân tích bảng số liệu, giải thích)	5%	5%		10%
3		Đặc điểm tự nhiên: Các thành phần tự nhiên Việt Nam	5%	10%		15%
	Năng lực thu thập xử lí và truyền đạt thông tin địa lí					
4		Sự phân hóa tự nhiên Việt Nam			15%	15%
	Năng lực vận dụng kiến thức và kĩ năng địa lí vào thực tiễn					
5		Kỹ năng vẽ biểu đồ, nhận xét, phân tích bảng số liệu, giải thích			15%	15%
6		Địa lí dân cư và các ngành kinh tế Việt Nam			15%	15%
7		Địa lí các vùng kinh tế Việt Nam (có thể liên hệ địa phương)			15%	15%
	Tổng	07				
			40%	60%	100%	

4. Phạm vi nội dung, mức độ nhận thức và phân bố điểm

a) Phạm vi nội dung

- Lớp 10: Địa lí tự nhiên đại cương (Trái đất, thạch quyển, khí quyển, thủy quyển, sinh quyển và một số quy luật của lớp vỏ địa lí); Địa lí kinh tế - xã hội (Địa lí dân cư).

- Lớp 11: Địa lí khu vực và quốc gia (Nhận xét, phân tích bảng số liệu, giải thích).

- Lớp 12: Đặc điểm tự nhiên (Các thành phần tự nhiên Việt Nam); sự phân hóa tự nhiên Việt Nam; Địa lí dân cư và các ngành kinh tế Việt Nam; Địa lí các vùng kinh tế Việt Nam (Có thể liên hệ địa phương).

- Kỹ năng vẽ biểu đồ (Biểu đồ tròn, đường, miền, kết hợp, cột), nhận xét, phân tích bảng số liệu, giải thích.

b) Mức độ nhận thức: Nhận biết 20%; Thông hiểu: 20%; Vận dụng: 60%.

c) Phân bố điểm: 20,0 điểm (Gồm 07 câu: **01** câu Địa lí tự nhiên và dân cư đại cương (3,0 điểm); **01** câu Địa lí khu vực và châu lục (2,0 điểm); **02** câu Địa lí tự nhiên Việt Nam (Các thành phần tự nhiên Việt Nam: 3,0 điểm; Sự phân hóa tự nhiên Việt Nam: 3,0 điểm); **01** câu Địa lí dân cư và các ngành kinh tế Việt Nam (3,0 điểm); **01** câu Địa lí các vùng kinh tế Việt Nam (3,0 điểm); **01** câu kỹ năng vẽ biểu đồ, nhận xét, phân tích bảng số liệu, giải thích (3,0 điểm). **Lớp 10: 3,0 điểm; lớp 11: 2,0 điểm; lớp 12: 15,0 điểm.**

Phal

Phụ lục 9
CẤU TRÚC ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI THPT, GDTX CẤP TỈNH
MÔN: GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT
(Kèm theo Công văn số: /SGDDĐT-GDTxH-GDTX ngày /02/2025
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

1. Hình thức thi: Tự luận

2. Thời gian làm bài: 180 phút

3. Năng lực được đánh giá và phân bố mức độ nhận thức

Bảng mô tả tỉ lệ các mức độ nhận thức được đánh giá theo các năng lực đặc thù

Mức độ NT Năng lực ĐT	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng % theo năng lực đặc thù
Điều chỉnh hành vi	10%	5%	10%	25%
Phát triển bản thân	5%	10%	10%	25%
Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội	5%	5%	40%	50%
Tổng % theo các mức độ nhận thức	20%	20%	60%	100%

4. Phạm vi nội dung, mức độ nhận thức, phân bố điểm

a) Phạm vi nội dung

- Lớp 10: Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Lớp 11: Cạnh tranh, cung cầu trong nền kinh tế thị trường; Lạm phát, thất nghiệp; Thị trường lao động, việc làm; Quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội; Quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử; Quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo; Quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở.

- Lớp 12: Tăng trưởng và phát triển kinh tế; Hội nhập kinh tế quốc tế; Bảo hiểm và an sinh xã hội; Lập kế hoạch kinh doanh; Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp;

Quản lí thu, chi trong gia đình; Quyền và nghĩa vụ của công dân về sở hữu tài sản và tôn trọng tài sản của người khác; Quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh doanh và nộp thuế; Quyền và nghĩa vụ của công dân trong học tập.

b) Mức độ nhận thức: Nhận biết 20% - Thông hiểu: 20%; Vận dụng: 60%.

c) Phân bố điểm: 20,0 điểm (gồm 06 câu: 01 câu lớp 10, 01 câu lớp 11 và 04 câu lớp 12). Lớp 10: 2,0 điểm; lớp 11: 4,0 điểm; lớp 12: 14,0 điểm.

Handwritten signature

Phụ lục 10

**CÁU TRÚC ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI THPT, GDTX CẤP TỈNH
MÔN: TIẾNG ANH**

(Kèm theo Công văn số: /SGDDĐT-GDTrH-GDTX ngày /02/2025
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

- 1. Thời gian làm bài:** 180 phút.
- 2. Điểm toàn bài:** 20 điểm.
- 3. Hình thức:** Tự luận kết hợp trắc nghiệm.
- 4. Phạm vi kiến thức**

Trong phạm vi chương trình môn tiếng Anh cấp THPT theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Yêu cầu về kiến thức ngôn ngữ: Học sinh nắm vững kiến thức ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong chương trình theo các chủ đề: *Cuộc sống của chúng ta, Xã hội của chúng ta, Môi trường của chúng ta, Tương lai của chúng ta* và các chủ đề tương ứng trong chương trình.

- Yêu cầu về kỹ năng: Nghe hiểu, Đọc hiểu, Viết.

5. Cấu trúc đề thi

a) Phần I: Nghe hiểu (5.0/20 điểm)

- Thời gian: Không quá 20 phút, tính từ lúc nhạc báo hiệu mở đầu đến nhạc báo kết thúc, bao gồm:

- + 01 phút dạo đầu đề thi sinh có thời gian đọc nhanh yêu cầu và các câu hỏi;
- + 05 giây nghỉ giữa 02 lần nghe;
- + 01 phút giữa các đoạn để thí sinh đọc nhanh yêu cầu và các câu hỏi;
- + 03 phút trước tín hiệu nhạc kết thúc để thí sinh viết và kiểm tra lại toàn bộ câu trả lời.

- Số đoạn: 04.

- Số lượt nghe: 02 lượt/đoạn (các chỉ dẫn, yêu cầu bằng tiếng Anh).

- Hình thức: Đọc thoại hoặc đối thoại (Số nhân vật tham gia đối thoại tối đa là 03 người).

- Giọng đọc: Ưu tiên bản ngữ tiếng Anh (Anh, Mĩ, Australia,...).

- Tốc độ đọc/nói: Tự nhiên.

- Yêu cầu: Hiểu được thông tin chính hoặc chi tiết; hiểu thông điệp và thái độ của người nói ở tốc độ bình thường; ghi chép được những thông tin quan trọng khi nghe;...

b) Phần II: Ngữ pháp – Từ vựng (3.0/20 điểm)

- Số phần: 03, bao gồm:

+ Câu hỏi nhiều lựa chọn (MCQ) để kiểm tra học sinh về từ vựng, ngữ pháp (hiểu và sử dụng được động từ theo các quy luật ngữ pháp về thời, thể, thức..., chọn từ (word choice/usage: có khả năng chọn từ thích hợp về ngữ nghĩa, sắc thái biểu cảm ở những mức độ cảm nhận khác nhau), tổ hợp từ/cụm từ cố định/động từ hai thành phần hay ngữ động từ (nhận biết và phân biệt được cụm từ tự do với cụm từ cố định/đặc ngữ, sử dụng cụm từ cố định/động từ hai thành phần hay ngữ động từ), đồng nghĩa/trái nghĩa (nhận biết được từ/ngữ cận/trái nghĩa, sử dụng từ/ngữ cận/trái nghĩa trong văn cảnh cụ thể), giao tiếp đơn giản (biết sử dụng từ/ngữ phù hợp để ứng đối một cách thích hợp với phát ngôn thể hiện các chức năng giao tiếp cơ bản như chào hỏi, khen/chê, cầu khiến, đề nghị, mời trong văn hoá bản ngữ tiếng Anh...).

+ Viết hình thức đúng của từ (danh từ, động từ, tính từ, trạng từ...).

+ Sửa lỗi trong một đoạn văn (đoạn văn khoảng 150 đến 200 từ có lỗi về ngữ pháp, dùng từ, chính tả... Học sinh cần gạch dưới/viết ra những phần bị lỗi trong đoạn văn (0.1 điểm/nhận diện đúng lỗi) và đưa ra phương án sửa (0.1 điểm/câu sửa đúng).

c) Phần III: Đọc hiểu (6.0/20 điểm)

- Số đoạn văn: 05, bao gồm:

+ 01 đoạn văn sử dụng cho bài điền khuyết (cloze reading) với 10 chỗ trống.

+ 04 đoạn văn kiểm tra kỹ năng đọc; độ dài mỗi đoạn khác nhau. Kiểm tra kỹ năng đọc hiểu lấy thông tin cụ thể/đại ý, kỹ năng đọc phân tích/đọc phê phán/tổng hợp/ suy diễn/ấn ý, kiểm tra kỹ năng đoán và hiểu nghĩa từ mới; nghĩa ngữ cảnh; ví von; hoán dụ; ẩn dụ; tương phản; đồng nghĩa/dị nghĩa;...

- Hình thức câu hỏi: Kết hợp trong từng đoạn văn hoặc từng đoạn riêng biệt với các loại câu hỏi đọc hiểu:

* Đọc trả lời câu hỏi nhiều lựa chọn (MCQ),

* Đọc khớp nổi nhạn đề/một nhận xét/tóm tắt/... với một đoạn văn,

* Đọc chọn đáp án đúng/sai,

* Đọc chọn từ trong câu hỏi đa lựa chọn, đọc chọn câu đúng điền vào chỗ trống trong đoạn văn, trả lời câu hỏi (Q&A),...

d) Phần IV: Viết (6.0/20 điểm)

- Viết lại câu: 05 câu.

- Viết 01 bài tóm tắt/bài mô tả biểu đồ, bảng số liệu... từ 120-150 từ.

- Viết một bài luận tối thiểu 300 từ (giải thích, tranh luận, bình luận về một chủ đề). Bài viết phải có bố cục tốt, chuyển ý hoặc chuyển đoạn uyển chuyển, vốn từ phong phú và sử dụng từ linh hoạt, diễn đạt lưu loát... Thí sinh cần sử dụng lí do và ví dụ cụ thể để minh họa cho các lập luận đưa ra trong bài viết.

Cấu trúc đề thi gồm 4 phần, được phân bố như sau:

Tư duy

Phần	Nội dung chi tiết	Số câu	Số điểm
I. Listening (5.0 điểm)	1. Listen to a talk/ recording/ a piece of news and decide whether these statements are True (T), False (F) or Not Given (NG).	25	5.0
	2. Listen to a talk/ recording/ interview... and choose the answer (A, B, C or D) which fits best according to what you hear.		
	3. Listen to a talk/ recording and write NO MORE THAN THREE WORDS taken from the recording for each answer.		
	4. Listen to a news report and supply the blanks with the missing information. Write NO MORE THAN TWO WORDS taken from the recording for each answer.		
II. Lexico-Grammar (3.0 điểm)	1. Multiple choice questions: Phrasal verbs, confusing words, collocations, word choices, idioms	20	3.0
	2. Word form: Part of speech, compound word.		
	3. Error identification: Advanced grammar, idioms, phrasal verbs, confusing words, collocations.		
III. Reading (6.0 điểm)	1. Open Cloze Text: Gap filling with ONE suitable word.	50	6.0
	2. Read the passage and do the tasks that follow: - Matching Names/ Matching Headings. - True/False/ Not given. - Summary Completion.		
	3. Multiple choice questions.		

Trần

	4. Gapped text.		
	5. Multiple matching.		
IV. Writing (6.0 điểm)	1. Sentence Transformation.	5	1.0
	2. Writing a summary (graph/chart description) between 120 words and 150 words.	1	2.0
	3. Writing an argumentative/ discussion essay (at least 300 words) on the topic given.	1	3.0
TỔNG ĐIỂM			20.0

Tr. Law

Phụ lục 11
CẤU TRÚC ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI THPT, GDTX CẤP TỈNH
MÔN: TIẾNG PHÁP

(Kèm theo Công văn số: /SGDDĐT-GDTrH-GDTX ngày /02/2025
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

- 1. Thời gian làm bài: 180 phút.**
- 2. Điểm toàn bài: 20 điểm.**
- 3. Hình thức: Tự luận kết hợp trắc nghiệm.**
- 4. Phạm vi kiến thức**

Theo yêu cầu cần đạt và nội dung giáo dục lớp 11 và 12 của khung chương trình giáo dục phổ thông môn tiếng Pháp – Ngoại ngữ 1, ban hành kèm theo Thông tư số 19/2021/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Cấu trúc

Cấu trúc đề thi gồm 4 phần, được phân bố như sau:

a) Phần 1: Nghe hiểu (4 điểm)

- Gồm 16 câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn chia thành 2 bài nghe, là các cuộc hội thoại, độc thoại hoặc các phóng sự trên đài, tivi về các chủ đề quen thuộc.

- Giọng đọc: ưu tiên bản ngữ tiếng Pháp.

- Tốc độ đọc/nói: rõ, không quá nhanh và sử dụng ngôn từ chuẩn.

b) Phần 2: Đọc hiểu (6 điểm)

Gồm 2 bài đọc:

Bài đọc hiểu 1 (5 điểm)

- Bài khóa có độ dài khoảng 450- 500 từ.

- Dạng văn bản (Type de texte): văn bản thông tin (informatif), văn bản giải thích (explicatif), văn bản nghị luận (argumentatif).

- Loại hình văn bản (Genre de texte): phóng sự (reportage), phỏng vấn (interview), bài báo (article de presse), ...

- Chủ điểm:

+ Giải trí (âm nhạc, sân khấu, phim ảnh, thể thao, du lịch, đọc sách,...)

+ Khoa học công nghệ (mạng xã hội, ứng dụng khoa học công nghệ và Internet trong học tập và cuộc sống của học sinh)

+ Phương tiện truyền thông và mạng xã hội đối với giới trẻ

+ Vấn đề xã hội (môi trường, y tế, giáo dục, sức khỏe cộng đồng,...)

+ Định hướng nghề nghiệp và việc làm

+ Tình cảm và các mối quan hệ gia đình, bạn bè

Luat

Phần câu hỏi gồm 10 câu hỏi phân bố ở các dạng: trắc nghiệm nhiều lựa chọn, các câu hỏi trả lời đúng/sai có dẫn chứng (Vrai/ Faux, Justification) và các câu hỏi tự luận.

Bài đọc hiểu 2 (1 điểm)

Là dạng bài điền từ (texte à trous), dưới dạng một bài đọc khoảng 200-250 từ, gồm 10 khoảng trống cần điền với các từ cho sẵn để lựa chọn.

c) Phần 3: Kiến thức ngôn ngữ (6 điểm)

Gồm 9 nội dung chính:

Nội dung 1: Cấu tạo từ, từ cùng nghĩa, trái nghĩa, thêm tiền tố, hậu tố (*Formation des mots, synonyme, antonyme, mots de famille, préfixe...*)

Nội dung 2: Chia động từ trong một đoạn văn ngắn (*thức: indicatif, conditionnel, impératif; thì: présent, futur, passé composé, imparfait, PQP*)

Nội dung 3: Chuyển đổi câu chủ động => bị động và ngược lại

Nội dung 4: Chuyển đổi câu trực tiếp => gián tiếp và ngược lại (với động từ dẫn ở quá khứ)

Nội dung 5: Chuyển đổi câu động từ sang câu danh từ và ngược lại có sử dụng các liên từ, giới từ diễn tả các mối quan hệ logic trong câu (*nguyên nhân, thời gian, mục đích, hậu quả, đối lập, điều kiện.*)

Nội dung 6: Đại từ (*đại từ nhân xưng, đại từ quan hệ đơn và kép, đại từ bất định, đại từ sở hữu*)

Nội dung 7: Hợp giống số (*accord du nom composé et/ou du participe passé*)

Nội dung 8: Từ nối (*Dạng đoạn văn ngắn, dưới hình thức câu hỏi trắc nghiệm*)

Nội dung 9: Thành ngữ (*dưới hình thức câu hỏi trắc nghiệm hoặc nối/tìm nghĩa tương đương*)

d) Phần 4: Diễn đạt viết (4 điểm)

Viết một văn bản nghị luận về các chủ điểm thường gặp hoặc được đề cập đến trong bài đọc hiểu và bày tỏ quan điểm, ý kiến cá nhân.

Độ dài: khoảng 250 từ.

tr 12/11